TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ NINH** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **19**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26/6/2025
V/v tranh chấp về ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ NINH, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Minh Huyền

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Trần Lại Khánh Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Văn Q, sinh năm 1981, Nơi thường trú: Khu A, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Chỗ ở hiện nay: khu Đ, xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Ông Chu Văn Q1, sinh năm 1976. Địa chỉ: Công ty L2. Số A, đường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị Dương Thị Thanh H, sinh năm 1986, trú tại: Khu A, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện theo uỷ quyền của chị H về tài sản chung, công nợ chung: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959; Địa chỉ: Khu A, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

Ngân hàng thương mại cổ phần Q3; Địa chỉ: Tòa nhà M, A L, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Hoàng Thái S - Chuyên viên phòng Tố tụng hệ thống, Công ty M

- Ông Phùng Xuân T1 - Chuyên viên xử lý nợ, Công ty M

- Ông Trần Duy K - Chuyên viên xử lý nợ, Công ty M

Địa chỉ: Tòa nhà S L, phường L, quận B, thành phố Hà Nội

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng thương mại cổ phần N1

Địa chỉ: A T, Phường L, Quận H, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc T2, Phó giám đốc Ngân hàng TMCP N1, chi nhánh P. Địa chỉ: Số A, đương T, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959; Địa chỉ: Khu A, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

3. UBND huyện P, tỉnh Phú Thọ; Địa chỉ: khu Đ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ;

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu N - Chủ tịch UBND huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Tiến S1 - Phó trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện P, tỉnh Phú Thọ.

4. UBND xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ; Địa chỉ: khu A, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện theo pháp luật: Ông Cao Xuân T3 - Chủ tịch UBND xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Thanh T4 - Công chức địa chính - xây dựng - nông nghiệp và môi trường UBND xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

(Anh Q, ông Q1, bà T có mặt; ông T2, ông Hoàng Thái S, ông T1, ông K, ông Nguyễn Tiến S1, ông T4 có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên toà nguyên đơn anh Lê Văn Q trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Dương Thị Thanh H có đăng ký kết hôn với nhau ngày 07/02/2006 tại UBND xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 11 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H không quan tâm đến gia đình, bỏ bê con cái. Anh Q và chị H đã sống ly thân từ thời điểm đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Dương Thị Thanh H.

- Về công sức đóng góp: Không đề nghị Toà án giải quyết.

**** Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn về con chung, tài sản, nợ chung ông Chu Văn Q1 trình bày:***

- Về con chung: Anh Q và chị H có 02 con chung là cháu Lê Tuấn V, sinh ngày 16/8/2007 và cháu Lê Hoàng L, sinh ngày 20/9/2009.

Tại đơn khởi kiện, anh Q xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung thành niên có khả năng lao động tự túc được.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Q đề nghị khi ly hôn anh xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Hoàng L, sinh ngày 20/9/2009 cho đến khi con chung thành niên có khả năng lao động tự túc được. Chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Tuấn V, sinh ngày 16/8/2007.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Q không đề nghị chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

- Về tài sản chung do vợ chồng anh Q, chị H tạo lập trong thời kỳ hôn nhân gồm có:

- 01 Ngôi nhà 3 tầng nằm trên diện tích 251,6m^2 trong đó (75,3m^2 đất ở, 176,3m^2 đất vườn) tại thửa đất 219, tờ bản đồ 29 do UBND huyện P cấp giấy chứng nhận QSD đất cấp giấy chứng nhận QSD đất số BT 750935 ngày 27/6/2014 đứng tên anh Q và chị H. Địa chỉ thửa đất: Khu A, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Diện tích đất và nhà có trị giá 2.000.000.000đồng.

- 01 Xe ô tô bán tải BT50 nhãn hiệu Mazda mua trả góp 2019, biển kiểm soát 19C-14666 đứng tên anh Q trị giá khoảng 430.000.000 đồng; Chị H đang sử dụng xe này;

- 01 Xe máy Honda SH, trị giá khoảng 60.000.000 đồng;

- 01 Bộ bàn ghế trị giá khoảng 10.000.000 đồng;

- 01 kệ tivi khoảng 10.000.000 đồng;

- 02 Điều hòa trị giá khoảng 2.000.000 đồng /1 cái;

- 01 Máy giặt trị giá khoảng 2.000.000 đồng;

- 01 Tủ lạnh trị giá khoảng 3.000.000 đồng;

- 03 Giường ngủ trị giá 2.000.000 đồng;

- 01 Tủ đựng quần áo trị giá 2.000.000 đồng.

- Số tiền thanh toán bảo hiểm nhân thọ chị H đã nhận là 22.717.500 đồng

Khi ly hôn quan điểm của nguyên đơn đề nghị được sở hữu nhà và đất, xe ô tô mazda BT 50 BKS 19C-14666 cùng toàn bộ đồ dùng sinh hoạt trong gia đình. Về chiếc xe máy SH và số tiền thanh toán bảo hiểm nhân thọ nêu trên giao cho chị H sử dụng không tính giá trị. Sau khi trừ các khoản nợ, toàn bộ tài sản thanh toán mỗi người được hưởng ½ giá trị tài sản. Nguyên đơn sẽ thanh toán chênh lệch tài sản cho chị H số tiền 560.000.000đồng.

Đối với diện tích đất theo bìa đỏ của vợ chồng anh Q hiện nay có ngôi nhà của bà T đang xây trên phần đất của anh Q, chị H. Nguyên đơn đề nghị anh Q và chị H có trách nhiệm hỗ trợ bà T số tiền 50.000.000đồng để bà T tháo dỡ, xây dựng lại ngôi

nhà trả lại diện tích đất cho anh chị. Mỗi người sẽ có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 25.000.000đồng. Thời gian thanh toán số tiền trên khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về công nợ chung: Theo đơn khởi kiện anh Q và chị H có nợ chung các khoản nợ cụ thể như sau:

+ Nợ ngân hàng TMCP N1 - chi nhánh P tính đến ngày 21/5/2025 là 1.115.985.624đ (trong đó nợ gốc là 1.061.300.000đ; nợ lãi là 53.646.535đ; phạt gốc quá hạn 441.432đ; phạt lãi quá hạn 597.657đ)

Tài sản thế chấp là 01 Ngôi nhà 3 tầng nằm trên diện tích 251,6m^2 trong đó (75,3m^2 đất ở, 176,3m^2 đất vườn) tại thửa đất 219, tờ bản đồ 29 do UBND huyện P cấp giấy chứng nhận QSD đất cấp giấy chứng nhận QSD đất số BT 750935 ngày 27/6/2014 đứng tên anh Q và chị H.

+ Nợ ngân hàng Q3 chi nhánh V1 số tiền tính đến ngày hết ngày 03/6/2025, vợ chồng anh Q chị H còn nợ Ngân hàng số tiền cụ thể như sau: 141.610.564 đ trong đó nợ gốc là 125.134.505 đ; nợ lãi trong hạn là 158.328đ; nợ lãi quá hạn là 15.797.283đ; Lãi phạt là 520.448đ.

Tài sản thế chấp là Ô tô tải pickup cabin kép, nhãn hiệu: MAZDA. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 035772 do Phòng C công an tỉnh P cấp ngày 13/03/2019. Số máy: P4AT2732621, số khung 4DD9KW927708, biển số : 19C-146.66 đứng tên Lê Văn Q.

+ Nợ anh Lê Việt H1 số tiền 500.000.000 đồng

+ Nợ anh Lê Văn Q2 số tiền 300.000.000 đồng

Khi ly hôn quan điểm của nguyên đơn:

+ Đối với khoản nợ ngân hàng TMCP N1: Do anh Q đã xin được nhận tài sản chung là 01 Ngôi nhà 3 tầng nằm trên diện tích 251,6m^2 trong đó (75,3m^2 đất ở, 176,3m^2 đất vườn) tại thửa đất 219, tờ bản đồ 29 do UBND huyện P cấp giấy chứng nhận QSD đất cấp giấy chứng nhận QSD đất số BT 750935 ngày 27/6/2014 đứng tên anh Q và chị H. Địa chỉ thửa đất: Khu A, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Quá trình giải quyết Ngân hàng cũng có quan điểm đồng ý cho anh Q đứng ra trả nợ cho Ngân hàng nên anh Q sẽ có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ khoản nợ trên theo đúng như thoả thuận. Số tiền chênh lệch tài sản anh Q sẽ có trách nhiệm thanh toán cho chị H sau khi đã trừ đi ½ số tiền 94.350.000đ anh Q đã nộp cho Ngân hàng trong quá trình Toà án giải quyết vụ án.

+ Đối với khoản nợ Ngân hàng TMCP Q3: Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án, Ngân hàng TMCP Q3 có yêu cầu độc lập đề nghị các bên phải thanh toán khoản nợ trên trong vụ án này. Quan điểm của anh Q đề nghị: Do anh Q đã xin được nhận tài sản chung là chiếc Ô tô tải pickup cabin kép, nhãn hiệu: MAZDA Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 035772 do Phòng C công an tỉnh P cấp ngày 13/03/2019. Số máy: P4AT2732621, số khung 4DD9KW927708, biển số : 19C- 146.66 đứng tên Lê Văn Q nên anh Q đề nghị Ngân hàng cho anh đứng ra chịu trách nhiệm trả khoản nợ trên cho Ngân hàng. Thời gian trả toàn bộ số nợ tại

Ngân hàng TMCP Q3 vào 01/8/2025. Số tiền chênh lệch tài sản anh Q sẽ thanh toán cho chị H theo như thoả thuận.

Đối với số tiền lãi phát sinh tại Ngân hàng TMCP Q3 kể từ ngày 03/6/2025 và khoản tiền lãi phát sinh tại ngân hàng TMCP N1 kể từ ngày 21/5/2025 đến khi xét xử vụ án, nguyên đơn anh Q tự nguyện chịu trách nhiệm thanh toán cho các Ngân hàng.

+ Đối với 02 khoản nợ của anh H1 và anh Q2. Anh Q sẽ có trách nhiệm trả. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Văn Q đã rút yêu cầu khởi kiện về 02 khoản nợ chung trên, không đề nghị Toà án giải quyết.

**** Bị đơn chị Dương Thị Thanh H có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng đã có quan điểm trình bày tại bản tự khai, quá trình tố tụng tại Toà án trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống chị nhất trí như quan điểm của anh Lê Văn Q đã trình bày. Đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q chơi bời, rượu chè, đã nhiều lần chị khuyên bảo nhưng không thay đổi. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh Q xin ly hôn chị, quan điểm của chị đồng ý ly hôn với anh Q.

- Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là cháu Lê Tuấn V, sinh ngày 16/8/2007 và cháu Lê Hoàng L, sinh ngày 2009.

Khi ly hôn, chị H xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Tuấn V, sinh ngày 16/8/2007 cho đến khi con chung thành niên có khả năng lao động tự túc được, anh Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Hoàng L, sinh ngày 20/9/2009.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không đề nghị anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về công sức đóng góp: Không đề nghị Toà án giải quyết.

**** Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn về tài sản chung, công nợ chung bà Nguyễn Thị T trình bày:***

Về tài sản chung do vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân gồm có:

- 01 Ngôi nhà 3 tầng nằm trên diện tích 251,6m^2 trong đó (75,3m^2 đất ở, 176,3m^2 đất vườn) tại thửa đất 219, tờ bản đồ 29 do UBND huyện P cấp giấy chứng nhận QSD đất cấp giấy chứng nhận QSD đất số BT 750935 ngày 27/6/2014 đứng tên anh Q và chị H. Địa chỉ thửa đất: Khu A, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Diện tích đất và nhà có trị giá 2.000.000.000đồng.

- 01 Xe ô tô bán tải BT50 nhãn hiệu Mazda mua trả góp 2019, biển kiểm soát 19C-14666 đứng tên anh Q trị giá khoảng 430.000.000 đồng; Chị H đang sử dụng xe này;

- 01 Xe máy Honda SH, trị giá khoảng 60.000.000 đồng;

- 01 Bộ bàn ghế trị giá khoảng 10.000.000 đồng;

- 01 kệ tivi khoảng 10.000.000 đồng;

- 02 Điều hòa trị giá khoảng 2.000.000 đồng /1 cái;

- 01 Máy giặt trị giá khoảng 2.000.000 đồng;

- 01 Tủ lạnh trị giá khoảng 3.000.000 đồng;

- 03 Giường ngủ trị giá 2.000.000 đồng;

- 01 Tủ đựng quần áo trị giá 2.000.000 đồng.

- Số tiền thanh toán bảo hiểm nhân thọ chị H đã nhận là 22.717.500 đồng

Khi ly hôn quan điểm của bị đơn đồng ý giao toàn bộ số tài sản chung của vợ chồng cho anh Q được sở hữu và sử dụng. Về chiếc xe máy SH và số tiền thanh toán bảo hiểm nhân thọ nêu trên hai bên đã thống nhất giao cho chị H sử dụng không tính giá trị. Sau khi trừ các khoản nợ, toàn bộ tài sản thanh toán mỗi người được hưởng ½ giá trị tài sản. Nguyên đơn phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị H số tiền 560.000.000đồng.

Đối với diện tích đất theo bìa đỏ của vợ chồng anh Q hiện nay có ngôi nhà của bà T đang xây trên phần đất của anh Q, chị H. Bị đơn đề nghị anh Q và chị H có trách nhiệm hỗ trợ bà T số tiền 50.000.000đồng để bà T tháo dỡ, xây dựng lại ngôi nhà trả lại diện tích đất cho anh chị. Mỗi người sẽ có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 25.000.000đồng. Thời gian thanh toán số tiền trên khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về công nợ chung:

+ Nợ ngân hàng TMCP N1 - chi nhánh P tính đến ngày 21/5/2025 là 1.115.985.624đ (trong đó nợ gốc là 1.061.300.000đ; nợ lãi là 53.646.535đ; phạt gốc quá hạn 441.432đ; phạt lãi quá hạn 597.657đ)

Tài sản thế chấp là 01 Ngôi nhà 3 tầng nằm trên diện tích 251,6m^2 trong đó (75,3m^2 đất ở, 176,3m^2 đất vườn) tại thửa đất 219, tờ bản đồ 29 do UBND huyện P cấp giấy chứng nhận QSD đất cấp giấy chứng nhận QSD đất số BT 750935 ngày 27/6/2014 đứng tên anh Q và chị H.

+ Nợ ngân hàng Q3 chi nhánh V1 số tiền tính đến ngày hết ngày 03/6/2025, vợ chồng anh Q chị H còn nợ Ngân hàng số tiền cụ thể như sau: 141.610.564 đ trong đó nợ gốc là 125.134.505 đ; nợ lãi trong hạn là 158.328đ; nợ lãi quá hạn là 15.797.283đ; Lãi phạt là 520.448đ.

Tài sản thế chấp là Ô tô tải pickup cabin kép, nhãn hiệu: MAZDA. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 035772 do Phòng C công an tỉnh P cấp ngày 13/03/2019. Số máy: P4AT2732621, số khung 4DD9KW927708, biển số : 19C-146.66 đứng tên Lê Văn Q.

Khi ly hôn quan điểm của chị H: Do đã thống nhất giao toàn bộ tài sản chung của vợ chồng cho nguyên đơn quản lý, sử dụng nên nguyên đơn phải có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng và thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho bị đơn.

Đối với khoản vay của anh Lê Việt H1 số tiền 500.000.000 đồng, vay của anh Lê Văn Q2 số tiền 300.000.000 đồng mà anh Q trình bày, chị H không biết về việc vay số tiền này, nên chị H không đồng ý trả số tiền này cùng anh Q.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:***

Về tài sản chung của vợ chồng anh Q, chị H liên quan đến diện tích 251,6m2 trong đó (75,3m2 đất ở, 176,3m2 đất vườn) tại thửa đất 219, tờ bản đồ 29 do UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 750935 ngày 27/6/2014 đứng tên anh Q và chị H ở tại Khu A, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Sau khi Toà án tiến hành xem xét thẩm định thửa đất đã xác định một phần ngôi nhà của bà đang ở đã được xây trồng lên một phần diện tích đất của vợ chồng anh Q, chị H. Nay anh Q, chị H ly hôn và có đề nghị giải quyết về tài sản chung là diện tích đất nêu trên quan điểm của bà là bà nhất trí tháo dỡ ngôi nhà để trả lại phần diện tích đất đang bị trồng lấn và nhất trí như quan điểm của nguyên đơn, bị đơn về việc nguyên đơn, bị đơn hỗ trợ bà số tiền 50.000.000 đồng để bà tháo dỡ, xây dựng lại ngôi nhà trả lại diện tích đất cho anh Q, chị H. Mỗi người sẽ có trách nhiệm trả cho bà số tiền 25.000.000đồng. Thời gian thanh toán số tiền trên khi bản án có hiệu lực pháp luật.

**** Đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng TMCP Q3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập vắng mặt nhưng đã có quan điểm trình bày:***

Ngày 15/3/2019 anh Lê Văn Q và chị Dương Thị Thanh H có làm Hợp đồng cho vay số 844712.351.4977483.TD với Ngân hàng thương mại cổ phần Q3 - chi nhánh V1 để vay số tiền gốc là 500.000.000 đồng. Mục đích là thanh toán tiền mua ô tô; thời hạn vay là 84 tháng. Tài sản thế chấp là Ô tô tải pickup cabin kép, nhãn hiệu: MAZDA. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 035772 do Phòng C công an tỉnh P cấp ngày 13/03/2019. Số máy: P4AT2732621, số khung 4DD9KW927708, biển số : 19C- 146.66 đứng tên Lê Văn Q theo Hợp đồng thế chấp số 844712.351.4977483.BĐ ngày 15/3/2019.

Tạm tính đến ngày hết ngày 03/6/2025, vợ chồng anh Q, chị H còn nợ Ngân hàng số tiền cụ thể như sau: 141.610.564 đ trong đó nợ gốc là 125.134.505 đồng; nợ lãi trong hạn là 158.328đồng; nợ lãi quá hạn là 15.797.283đồng; Lãi phạt là 520.448đồng theo Hợp đồng cho vay số 844712.351.4977483.TD ngày 15/3/2019.

Nay vợ chồng anh Q, chị H khởi kiện vụ án ly hôn tại Toà án. Quan điểm của Ngân hàng thương mại Cổ phần Q3 nhất trí với quan điểm của đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, đại diện theo uỷ quyền của bị đơn về việc trả nợ cho Ngân hàng. Anh Q sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 03/6/2025 là 141.610.564 đồng. Thời gian trả nợ vào ngày 01/8/2025. Kể từ ngày 04/6/2025 anh Q vẫn phải tiếp tục trả lãi theo như thoả thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Trong trường hợp anh Q không thanh toán được khoản nợ thì MB có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên phát mại tài sản để thanh toán nợ.

**** Đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng TMCP N1, chi nhánh P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:***

Ngày 14/9/2022 bà Dương Thị Thanh H và anh Lê Văn Q đã ký hợp cho vay trung dài hạn số 22/CN-DB/DHTL08 tại Ngân hàng với giá trị được cấp tín dụng là 1.300.000.000 đồng, thời gian vay 180 tháng kể từ ngày giải ngân. Toàn bộ khoản vay được bảo đảm bằng GCNQSD đất và nhà ở hắn liền với đất số BT 705935.

Tính đến ngày 12/8/2024, tổng nợ gốc và lãi là 1.134.574.000 đồng (trong đó nợ gốc là 1.104.700.000 đồng, nợ lãi là 29.650.743 đồng, phạt gốc quá hạn là 85.611 đồng, phạt lãi quá hạn là 137.646 đồng).

Ngân hàng N2 thoả thuận giữa các đương sự, bàn giao tài sản cho anh Lê Văn Q. Sau khi anh Q thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng theo hợp đồng cho vay, Ngân hàng sẽ bàn giao lại tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho anh Q.

**** Đại diện theo uỷ quyền của UBND xã P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:***

+ Thửa đất số 219, tờ bản đồ 29, diện tích 251,6m^2, trong đó có 75,3m^2 đất ở và 176,3m^2 đất trồng cây lâu năm đã đượcUBND huyện P, tỉnh Phú Thọ cấp GCNQSD đất ngày 27/6/2014, số BT 750935 cho hộ bà Dương Thị Thanh H và ông Lê Văn Q.

+ Trước đây thửa đất này được tách ra từ thửa đất số 59, tờ bản đồ số 22, diện tích 900m^2, đất ở và đất vườn (theo bản đồ 299). Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 22 (theo bản đồ 299) hiện nay được tách ra là 03 thửa đất: thửa số 204, 219, 220, tờ bản đồ số 29 (bản đồ địa chính mới).

UBND xã P không nhận được thông tin gì về việc tranh chấp liên quan đến thửa đất trên.

UBND xã P đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện theo uỷ quyền của UBND xã P đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt trong tất cả các nội dung liên quan đến vụ án.

Đại diện theo uỷ quyền của UBND huyện P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ Thửa đất số 219, tờ bản đồ 29, diện tích 251,6m^2, trong đó có 75,3m^2 đất ở và 176,3m^2 đất trồng cây lâu năm đã đượcUBND huyện P, tỉnh Phú Thọ cấp GCNQSD đất ngày 27/6/2014, số BT 750935 cho hộ bà Dương Thị Thanh H và ông Lê Văn Q.

+ Trước đây thửa đất này được tách ra từ thửa đất số 59, tờ bản đồ số 22, diện tích 900m^2, đất ở và đất vườn (theo bản đồ 299). Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 22 (theo bản đồ 299) hiện nay được tách ra là 03 thửa đất: thửa số 204, 219, 220, tờ bản đồ số 29 (bản đồ địa chính mới).

Trình tự, thủ tục cấp GCNQSD đất cho thửa đất số 219, tờ bản đồ số 29 đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

UBND huyện P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

UBND huyện P đề nghị Tòa án cho giải quyết vắng mặt tại các phiên họp

tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử của Tòa án các cấp cho đến khi xét xử xong vụ án.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ; tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp; tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận về việc giải quyết vụ án nhưng các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định của của pháp luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a, điểm b, điểm đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Văn Q về phần nợ chung liên quan đến khoản vay của anh Lê Việt H1 số tiền 500.000.000 đồng, vay của anh Lê Văn Q2 số tiền 300.000.000 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại Cổ phần Q3 đề nghị anh Lê Văn Q và chị Dương Thị Thanh H phải trả cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Q3 số tiền tạm tính đến ngày 03/6/2025 là 141.610.564 đ trong đó nợ gốc là 125.134.505 đ; nợ lãi trong hạn là 158.328đ; nợ lãi quá hạn là 15.797.283đ; Lãi phạt là 520.448đ theo Hợp đồng cho vay số 844712.351.4977483.TD ngày 15/3/2019. Tài sản thế chấp là Ô tô tải pickup cabin kép, nhãn hiệu: MAZDA. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 035772 do Phòng C công an tỉnh P cấp ngày 13/03/2019. Số máy: P4AT2732621, số khung 4DD9KW927708, biển số : 19C- 146.66 đứng tên Lê Văn Q.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn Q và chị Dương Thị Thanh H.

2. Về con chung: Giao cho anh Lê Văn Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lê Hoàng L, sinh ngày 20/9/2009. Giao cho chị Dương Thị Thanh H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lê Tuấn V, sinh ngày 16/8/2007 cho đến khi các con chung thành niên, lao động tự túc được.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Văn Q và chị Dương Thị Thanh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung:

Công nhận sự thoả thuận của anh Q, đại diện theo uỷ quyền của anh Q về tài sản chung, nợ chung; đại diện theo uỷ quyền của chị H về tài sản chung, nợ chung như sau: Anh Lê Văn Q được quản lý, sử dụng và sở hữu khối tài sản chung gồm:

+ Diện tích đất 251,6m2 trong đó có 75,3m2 đất ở; 176,3m2 đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 219 tờ bản đồ số 29 đã được UBND huyện P cấp GCNQSDĐ số BT :750935 ngày 27/6/2014 đứng tên anh Lê Văn Q và chị Dương Thị Thanh H có địa chỉ thửa đất tại khu A, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Tài sản trên đất gồm có 01 nhà ba tầng xây trên diện tích đất 73,1m^2 xây năm 2006; 01 mái tôn trước nhà chính (tôn xốp) sườn sắt, bán vì kèo sắt diện tích 88m^2 xây dựng năm 2021; 01 sân trước nhà dưới mái tôn xốp lát gạch nung đỏ diện tích 88 m^2; 01 bức tường liền nhà chính xây gạch chỉ đỏ dày 220mm có trát + sơn 1 mặt dài 7,6m cao trung bình 4m (chưa móng) xây năm 2022; 03 bức tường nối với cổng chính từ sân xuống trong đó 02 bức tường dài 4,7m cao trung bình 0,9m (chưa móng), 01 bức tường dài 3,7m cao trung bình 1,8m (chưa móng) tường xây gạch chỉ đỏ dày 110mm trát + sơn 1 mặt xây năm 2022; 01 nền đổ bê tông sỏi từ sân xuống cổng, dày 10cm diện tích 21,1m^2 xây năm 2022; 01 Cổng có 02 trụ cổng xây bằng gạch chỉ đỏ kích thước 0,6x0,6x2,8 (chưa móng) ốp gạch Ceramic các mặt, mái che cổng bằng tôn sườn sắt bì kèo sắt diện tích 10m^2; 02 cánh cổng bằng sắt hộp sơn tĩnh điện hàn vuông kích thước 2,8x3,6m xây năm 2022; 01 đoạn tường rào giáp cổng dọc đường giao thông bằng gạch chỉ đỏ dày 220mm, dài 2m, cao trung bình 1,2m có trát + sơn một mặt, phía trên là hàng rào bằng sắt 14x14mm hàn vuông, diện tích 1,4m^2 xây năm 2022; 01 bờ tường bao xung quanh khu đất trồng cây cảnh, xây gạch chỉ đỏ dày 110mm có trát + sơn một mặt dài tổng 6,8m cao trung bình 0,5m xây dựng năm 2022; 01 mái tôn sau nhà chính sườn sắt bán vì kèo sắt diện tích 15,1m^2 xây dựng năm 2022 (một phần mái tôn gác lên tường); 01 nền lách gạch Ceramíc dưới mái tôn phía sau nhà diện tích 12,1m^2 xây dựng năm 2022; 01 nền bê tông sỏi phía sau nhà dày 6cm, diện tích 21.9m^2 xây dựng năm 2022; 01 tường rào xây gạch chỉ đỏ dày 110mm dài khoảng 14m cao trung bình 1,7m nối từ nhà chính được xây dựng năm 2006. Tổng đất + nhà + công trình trên đất có trị giá 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng)

+ 01 xe ô tô bán tải BT 50 nhãn hiệu MAZDA mua trả góp 2019 biển kiểm soát 19C- 14666 đứng tên anh Lê Văn Q (hiện chị H đang sử dụng). Trị giá chiếc xe 448.560.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

+ 01 bộ bàn ghế; 01 kệ để ti vi; 02 điều hòa; 01 máy giặt; 01 tủ lạnh; 03 giường ngủ; 02 tủ đựng quần áo. Tổng trị giá là 37.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng).

Tổng giá trị tài sản là 2.485.560.000đồng (Hai tỷ bốn trăm tám mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

4. Về công nợ chung:

Anh Lê Văn Q có trách nhiệm tiếp tục thực hiện Hợp đồng cho vay trung dài hạn số 22/CN-DB/DHTL08 ký ngày 06/01/2022 và có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP N1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 21/5/2025 là 1.115.985.624đ (trong đó nợ gốc là 1.061.300.000đ; nợ lãi là 53.646.535đ; phạt gốc quá hạn 441.432đ; phạt lãi quá hạn 597.657đ). Trong thời gian tiếp tục thực hiện hợp đồng, nếu anh Q không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP N1 có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

Sau khi đối trừ nghĩa vụ trả nợ, anh Q có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho chị H số tiền là 560.000.000đồng (Năm trăm sáu mươi triệu đồng). Thời hạn thanh toán sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xác nhận anh Q đã thanh toán cho đại diện theo uỷ quyền của bị đơn về tài sản chung, nợ chung số tiền 460.000.000đồng (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng) theo giấy biên nhận tiền ngày 26/6/2025 do bà T lập có lưu trong hồ sơ vụ án. Anh Q còn phải thanh toán cho chị H số tiền chênh lệch tài sản là 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng).

5. Ghi nhận sự thoả thuận của anh Lê Văn Q; đại diện theo uỷ quyền của anh Q về tài sản chung, nợ chung; chị Dương Thị Thanh H; đại diện theo uỷ quyền của chị H về tài sản chung, nợ chung; bà Nguyễn Thị T về việc bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm tháo dỡ một phần ngôi nhà cấp bốn của bà T diện tích 10,1m^2 xây chồng lấn lên thửa đất số 219 tờ bản đồ số 29 đã được UBND huyện P cấp GCNQSDĐ số BT :750935 ngày 27/6/2014 đứng tên anh Lê Văn Q và chị Dương Thị Thanh H để trả lại diện tích đất cho anh Q, chị H quản lý và sử dụng vào ngày 26/8/2025. Anh Q, chị H tự nguyện hỗ trợ kinh phí tháo dỡ công trình xây dựng cho bà T với số tiền 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng). Kỷ phần mỗi người phải thanh toán cho bà T số tiền 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng). Thời gian thanh toán vào ngày 26/8/2025. Xác nhận anh Q đã thanh toán xong cho bà T số tiền 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) theo giấy biên nhận tiền ngày 26/6/2025 do bà T lập có lưu trong hồ sơ vụ án.

6. Về chí phí tố tụng: Anh Lê Văn Q, chị Dương Thị Thanh H mỗi người phải chịu 5.100.000đồng (Năm triệu một trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Anh Q đã nộp tạm ứng số tiền 10.200.000đồng (Mười triệu hai trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Buộc chị Dương Thị Thanh H có trách nhiệm trả cho anh Quân số tiền 5.100.000đồng (Năm triệu một trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

7. Về án phí: Anh Lê Văn Q và chị Dương Thị Thu H2 mỗi người phải chịu 75.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Lê Văn Q và chị Dương Thị Thu H2 thống nhất tự nguyện mỗi người chịu 24. 641.700đồng án phí chia tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện P, tỉnh Phú Thọ nên Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ thụ lý, xét xử là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về xác định tư cách tố tụng của đương sự trong vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã đưa chị Dương Thị H3, anh Lê Quang H4, anh Lê Việt H1, anh Lê Văn Q2 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

- Đối với chị Dương Thị H3, anh Lê Quang H4 có liên quan đến việc mua bán chiếc xe ô tô bán tải BT 50 nhãn hiệu MAZDA biển kiểm soát 19C- 14666 đứng tên anh Q. Trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo uỷ quyền của chị H2 về tài sản chung, nợ chung có quan điểm không yêu cầu nguyên đơn anh Q phải có trách nhiệm thanh toán và không đề nghị Toà án giải quyết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H3, anh H4 nhất trí như quan điểm của đại diện theo uỷ quyền của chị H2 về tài sản chung, nợ chung và đề nghị Toà án không đưa vợ chồng chị vào tham gia tố tụng trong vụ án. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự không trái quy định của pháp luật. Do vây, Hội đồng xét xử xét thấy không cần đưa chị Dương Thị H3, anh Lê Quang H4 vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Đối với anh Lê Việt H1, anh Lê Văn Q2 có liên quan đến việc anh Q cho rằng anh và chị H2 có vay của anh Lê Việt H1 số tiền 500.000.000 đồng, vay của anh Lê Văn Q2 số tiền 300.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn về tài sản chung, nợ chung có quan điểm xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 02 khoản nợ của anh Lê Việt H1 và anh Lê Văn Q2; đề nghị Toà án đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện này. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự không trái quy định của pháp luật. Do vây, Hội đồng xét xử xét thấy không cần đưa anh Lê Việt H1, anh Lê Văn Q2 vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[1.3]. Về sự có mặt vắng mặt của các đương sự:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự. Tuy nhiên bị đơn chị H2, đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP N1; đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Ngân hàng TMCP Q3; đại diện theo uỷ quyền của UBND xã P; đại diện theo uỷ quyền của UBND huyện P có đơn và quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân

sự, Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị H2, ông T2, ông K, ông T1, ông Hoàng Thái S, ông T4, ông Nguyễn Tiến S1 .

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Lê Văn Q và chị Dương Thị Thanh H kết hôn ngày 07/02/2006 tại UBND xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự do tìm hiểu lấy nhau hoàn toàn tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp. Anh Q cho rằng hôn nhân không có hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ tháng 11 năm 2023 vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay không còn quan hệ về mặt tình cảm. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên anh Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H. Quá trình giải quyết vụ án chị H xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân và chị đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của anh Q. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa anh Q và chị H là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc phù hợp với quy định của pháp luật vì vậy cần công nhận sự thuận tình ly hôn cho anh chị là phù hợp theo quy định của Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung:

Quá trình giải quyết vụ án anh Lê Văn Q và chị Dương Thị Thanh H đều có quan điểm xác nhận anh Q, chị H có 02 con chung là cháu Lê Tuấn V, sinh ngày 16/8/2007 và cháu Lê Hoàng L, sinh ngày 20/9/2009. Hiện nay các con chung đang ở cùng với chị H. Khi ly hôn anh xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cháu Lê Hoàng L, sinh ngày 20/9/2009 còn để chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cháu Lê Tuấn V, sinh ngày 16/8/2007. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Chị H có quan điểm đồng ý với quan điểm của anh Q về con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc trong quá trình tố tụng chị H và anh Q thống nhất thoả thuận giao cho anh Lê Văn Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lê Hoàng L, sinh ngày 20/9/2009. Giao cho chị Dương Thị Thanh H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lê Tuấn V, sinh ngày 16/8/2007 là hoàn toàn tự nguyện không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Q và chị H đều không đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. .

[4]. Về tài sản chung:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà anh Q, chị H, đại diện theo uỷ quyền của anh Q về tài sản chung, nợ chung; đại diện theo uỷ quyền của chị H về tài sản chung, nợ chung thống nhất xác định vợ chồng anh Q, chị H có khối tài sản chung như sau:

+ Diện tích đất 251,6m2 trong đó có 75,3m2 đất ở; 176,3m2 đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 219 tờ bản đồ số 29 đã được UBND huyện P cấp GCNQSDĐ số BT :750935 ngày 27/6/2014 đứng tên anh Lê Văn Q và chị Dương Thị Thanh H có địa chỉ thửa đất tại khu A, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Tài sản trên đất gồm có 01 nhà ba tầng xây trên diện tích đất 73,1m^2 xây năm 2006; 01

mái tôn trước nhà chính (tôn xốp) sườn sắt, bán vì kèo sắt diện tích 88m^2 xây dựng năm 2021; 01 sân trước nhà dưới mái tôn xốp lát gạch nung đỏ diện tích 88 m^2; 01 bức tường liền nhà chính xây gạch chỉ đỏ dày 220mm có trát + sơn 1 mặt dài 7,6m cao trung bình 4m (chưa móng) xây năm 2022; 03 bức tường nối với cổng chính từ sân xuống trong đó 02 bức tường dài 4,7m cao trung bình 0,9m (chưa móng), 01 bức tường dài 3,7m cao trung bình 1,8m (chưa móng) tường xây gạch chỉ đỏ dày 110mm trát + sơn 1 mặt xây năm 2022; 01 nền đổ bê tông sỏi từ sân xuống cổng, dày 10cm diện tích 21,1m^2 xây năm 2022; 01 Cổng có 02 trụ cổng xây bằng gạch chỉ đỏ kích thước 0,6x0,6x2,8 (chưa móng) ốp gạch Ceramic các mặt, mái che cổng bằng tôn sườn sắt bì kèo sắt diện tích 10m^2; 02 cánh cổng bằng sắt hộp sơn tĩnh điện hàn vuông kích thước 2,8x3,6m xây năm 2022; 01 đoạn tường rào giáp cổng dọc đường giao thông bằng gạch chỉ đỏ dày 220mm, dài 2m, cao trung bình 1,2m có trát + sơn một mặt, phía trên là hàng rào bằng sắt 14x14mm hàn vuông, diện tích 1,4m^2 xây năm 2022; 01 bờ tường bao xung quanh khu đất trồng cây cảnh, xây gạch chỉ đỏ dày 110mm có trát + sơn một mặt dài tổng 6,8m cao trung bình 0,5m xây dựng năm 2022; 01 mái tôn sau nhà chính sườn sắt bán vì kèo sắt diện tích 15,1m^2 xây dựng năm 2022 (một phần mái tôn gác lên tường); 01 nền lách gạch Ceramíc dưới mái tôn phía sau nhà diện tích 12,1m^2 xây dựng năm 2022; 01 nền bê tông sỏi phía sau nhà dày 6cm, diện tích 21.9m^2 xây dựng năm 2022; 01 tường rào xây gạch chỉ đỏ dày 110mm dài khoảng 14m cao trung bình 1,7m nối từ nhà chính được xây dựng năm 2006.

+ 01 cây hồng đường kính từ 05 đến 10cm.

+ 01 xe ô tô bán tải BT 50 nhãn hiệu MAZDA mua trả góp 2019 biển kiểm soát 19C- 14666 đứng tên anh Lê Văn Q (hiện chị H đang sử dụng).

+ 01 bộ bàn ghế; 01 kệ để ti vi; 02 điều hòa; 01 máy giặt; 01 tủ lạnh; 03 giường ngủ; 02 tủ đựng quần áo.

Toà án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá đối với tài sản đang tranh chấp. Tại biên bản định giá tài sản ngày 31/7/2024 Hội đồng định giá tài sản huyện P và tại phiên toà các đương sự đã thống nhất xác định.

+ Diện tích đất 251,6m2 trong đó có 75,3m2 đất ở; 176,3m2 đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 219 tờ bản đồ số 29 đã được UBND huyện P cấp GCNQSDĐ số BT :750935 ngày 27/6/2014 đứng tên anh Lê Văn Q và chị Dương Thị Thanh H có địa chỉ thửa đất tại khu A, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Tài sản trên đất gồm có 01 nhà ba tầng xây trên diện tích đất 73,1m^2 xây năm 2006; 01 mái tôn trước nhà chính (tôn xốp) sườn săt, bán vì kèo sắt diện tích 88m^2 xây dựng năm 2021; 01 sân trước nhà dưới mái tôn xốp lát gạch nung đỏ diện tích 88 m^2; 01 bức tường liền nhà chính xây gạch chỉ đỏ dày 220mm có trát + sơn 1 mặt dài 7,6m cao trung bình 4m (chưa móng) xây năm 2022; 03 bức tường nối với cổng chính từ sân xuống trong đó 02 bức tường dài 4,7m cao trung bình 0,9m (chưa móng), 01 bức tường dài 3,7m cao trung bình 1,8m (chưa móng) tường xây gạch chỉ đỏ dày 110mm trát + sơn 1 mặt xây năm 2022; 01 nền đổ bê tông sỏi từ sân xuống cổng, dày 10cm diện tích 21,1m^2 xây năm 2022; 01 Cổng có 02 trụ cổng xây bằng gạch chỉ đỏ kích thước 0,6x0,6x2,8 (chưa móng) ốp gạch Ceramic các mặt, mái

che cổng bằng tôn sườn sắt bì kèo sắt diện tích 10m^2; 02 cánh cổng bằng sắt hộp sơn tĩnh điện hàn vuông kích thước 2,8x3,6m xây năm 2022; 01 đoạn tường rào giáp cổng dọc đường giao thông bằng gạch chỉ đỏ dày 220mm, dài 2m, cao trung bình 1,2m có trát + sơn một mặt, phía trên là hàng rào bằng sắt 14x14mm hàn vuông, diện tích 1,4m^2 xây năm 2022; 01 bờ tường bao xung quanh khu đất trồng cây cảnh, xây gạch chỉ đỏ dày 110mm có trát + sơn một mặt dài tổng 6,8m cao trung bình 0,5m xây dựng năm 2022; 01 mái tôn sau nhà chính sườn sắt bán vì kèo sắt diện tích 15,1m^2 xây dựng năm 2022 (một phần mái tôn gác lên tường); 01 nền lách gạch Ceramíc dưới mái tôn phía sau nhà diện tích 12,1m^2 xây dựng năm 2022; 01 nền bê tông sỏi phía sau nhà dày 6cm, diện tích 21.9m^2 xây dựng năm 2022; 01 tường rào xây gạch chỉ đỏ dày 110mm dài khoảng 14m cao trung bình 1,7m nối từ nhà chính được xây dựng năm 2006. Tổng đất + nhà + công trình trên đất có trị giá 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng)

+ 01 xe ô tô bán tải BT 50 nhãn hiệu MAZDA mua trả góp 2019 biển kiểm soát 19C- 14666 đứng tên anh Lê Văn Q (hiện chị H đang sử dụng). Trị giá chiếc xe 448.560.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

+ 01 bộ bàn ghế; 01 kệ để ti vi; 02 điều hòa; 01 máy giặt; 01 tủ lạnh; 03 giường ngủ; 02 tủ đựng quần áo. Tổng trị giá là 37.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng).

Đối với các tài sản khác không đề nghị Hội đồng xét xử định giá.

Tổng giá trị tài sản là 2.485.560.000đồng (Hai tỷ bốn trăm tám mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà anh Q, đại diện theo uỷ quyền của anh Q về tài sản chung, nợ chung; đại diện theo uỷ quyền của chị H về tài sản chung, nợ chung thống nhất thoả thuận anh Q và chị H mỗi người được hưởng ½ giá trị tài sản chung của vợ chồng. Đồng thời đề nghị Toà án ghi nhận sự thoả thuận giao cho anh Q được toàn quyền sử hữu và sử dụng toàn bộ khối tài sản chung của vợ chồng. Anh Q có trách nhiệm trả toàn bộ các khoản nợ tại Ngân hàng TMCP N1, Ngân hàng thương mại Cổ phần Q3 và có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho chị H số tiền 560.000.000đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng sự thoả thuận của các đương sự về tài sản chung của anh Q, chị H là hoàn toàn tự nguyện không trái với đạo đức và phù hợp quy định của pháp luật nên cần ghi nhận sự thoả thuận về chia tài sản chung của các đương sự.

Đối với nội dung một phần ngôi nhà cấp bốn của bà Nguyễn Thị T đang xây chồng lấn trên diện tích đất đã được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Q, chị H. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà anh Lê Văn Q; đại diện theo uỷ quyền của anh Q về tài sản chung, nợ chung; đại diện theo uỷ quyền của chị H về tài sản chung, nợ chung; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T đã thống nhất và đề nghị Toà án ghi nhận về việc bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm tháo dỡ một phần ngôi nhà cấp bốn của bà T diện tích 10,1m^2 xây chồng lấn lên thửa đất số 219 tờ bản đồ số 29 đã được UBND huyện P cấp GCNQSDĐ số BT :750935 ngày 27/6/2014 đứng tên anh Lê Văn Q

và chị Dương Thị Thanh H để trả lại diện tích đất cho anh Q, chị H quản lý và sử dụng. Anh Q, chị H tự nguyện hỗ trợ kinh phí tháo dỡ công trình xây dựng cho bà T với số tiền 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng). Kỷ phần mỗi người phải thanh toán cho bà T số tiền 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng). Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật anh Q, chị H có trách nhiệm thanh toán số tiền nêu trên cho bà T và bà T có trách nhiệm tháo dỡ công trình xây dựng để trả lại đất cho anh Q, chị H. Xét thấy nội dung thoả thuận đề nghị Toà án ghi nhận của các đương sự là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về nợ chung:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà anh Q, đại diện theo uỷ quyền của anh Q về tài sản chung, nợ chung và chị H, đại diện theo uỷ quyền của chị H về tài sản chung, nợ chung thống nhất xác định anh Q, chị H có nợ chung các khoản nợ, cụ thể:

- Nợ ngân hàng TMCP N1 - chi nhánh P tính đến ngày 21/5/2025 là 1.115.985.624đ (trong đó nợ gốc là 1.061.300.000đ; nợ lãi là 53.646.535đ; phạt gốc quá hạn 441.432đ; phạt lãi quá hạn 597.657đ)

Tài sản thế chấp là 01 Ngôi nhà 3 tầng nằm trên diện tích 251,6m^2 trong đó (75,3m^2 đất ở, 176,3m^2 đất vườn) tại thửa đất 219, tờ bản đồ 29 do UBND huyện P cấp giấy chứng nhận QSD đất cấp giấy chứng nhận QSD đất số BT 750935 ngày 27/6/2014 đứng tên anh Q và chị H.

- Nợ ngân hàng Q3 chi nhánh V1 số tiền tính đến ngày hết ngày 03/6/2025, vợ chồng anh Q chị H còn nợ Ngân hàng số tiền cụ thể như sau: 141.610.564 đ trong đó nợ gốc là 125.134.505 đ; nợ lãi trong hạn là 158.328đ; nợ lãi quá hạn là 15.797.283đ; Lãi phạt là 520.448đ.

Tài sản thế chấp là Ô tô tải pickup cabin kép, nhãn hiệu: MAZDA. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 035772 do Phòng C công an tỉnh P cấp ngày 13/03/2019. Số máy: P4AT2732621, số khung 4DD9KW927708, biển số : 19C-146.66 đứng tên Lê Văn Q.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Đối với khoản vay của anh Lê Việt H1 số tiền 500.000.000 đồng, vay của anh Lê Văn Q2 số tiền 300.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Văn Q đã rút yêu cầu khởi kiện về 02 khoản nợ chung trên, không đề nghị Toà án giải quyết. Xét thấy đây là sự tự nguyện của anh Q không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đề giải quyết đối với 02 khoản nợ chung trên.

- Đối với khoản nợ tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Q3 theo Hợp đồng cho vay số 844712.351.4977483.TD ngày 15/3/2019.

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án anh Q; đại diện theo uỷ quyền của anh Q về tài sản chung, nợ chung; chị H, đại diện theo uỷ quyền của chị H về tài sản chung, nợ chung đều xác định anh Q, chị H có nợ Ngân hàng thương

mại Cổ phần Q3 số tiền tạm tính đến ngày hết ngày 03/6/2025 là 141.610.564 đ trong đó nợ gốc là 125.134.505 đ; nợ lãi trong hạn là 158.328đ; nợ lãi quá hạn là 15.797.283đ; Lãi phạt là 520.448đ theo Hợp đồng cho vay số 844712.351.4977483.TD ngày 15/3/2019. Tài sản thế chấp là Ô tô tải pickup cabin kép, nhãn hiệu: MAZDA. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 035772 do Phòng C công an tỉnh P cấp ngày 13/03/2019. Số máy: P4AT2732621, số khung 4DD9KW927708, biển số : 19C- 146.66 đứng tên Lê Văn Q.

Ngày 18/11/2024 Ngân hàng thương mại Cổ phần Q3 có đơn yêu cầu độc lập đề nghị Toà án giải quyết buộc anh Q và chị H phải trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Q3.

Ngày 16/6/2025 anh Lê Văn Q đã thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Q3. Ngày 23/6/2025 Ngân hàng thương mại Cổ phần Q3 có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện. Do vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại Cổ phần Q3.

- Đối với khoản nợ tại Ngân hàng TMCP N1 - chi nhánh P tính đến ngày 12/8/2024 là 1.134.574.000đồng (trong đó nợ gốc là 1.104.700.000đồng; nợ lãi là 29.650.743đồng; phạt gốc quá hạn 85.611đồng; phạt lãi quá hạn 137.646đồng). Tài sản thế chấp là 01 Ngôi nhà 3 tầng nằm trên diện tích 251,6m^2 trong đó (75,3m^2 đất ở, 176,3m^2 đất vườn) tại thửa đất 219, tờ bản đồ 29 do UBND huyện P cấp giấy chứng nhận QSD đất cấp giấy chứng nhận QSD đất số BT 750935 ngày 27/6/2014 đứng tên anh Q và chị H.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Q; đại diện theo uỷ quyền của anh Q về tài sản chung, nợ chung; chị H, đại diện theo uỷ quyền của chị H về tài sản chung, nợ chung có quan điểm thống nhất giao cho anh Q được quản lý 01 Ngôi nhà 3 tầng nằm trên diện tích 251,6m^2 trong đó (75,3m^2 đất ở, 176,3m^2 đất vườn) tại thửa đất 219, tờ bản đồ 29 do UBND huyện P cấp giấy chứng nhận QSD đất cấp giấy chứng nhận QSD đất số BT 750935 ngày 27/6/2014 đứng tên anh Q và chị H hiện đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP N1. Anh Q sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ tại Ngân hàng TMCP N1. Đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng TMCP N1 không có yêu cầu độc lập đề nghị Toà án giải quyết buộc anh Q và chị H phải thanh toán khoản nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng nhưng Ngân hàng N2 thoả thuận giữa các đương sự, bàn giao tài sản cho anh Q. Sau khi anh Q thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng theo hợp đồng cho vay, Ngân hàng sẽ bàn giao lại tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho anh Q. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với khoản tiền nợ gốc và lãi giữa anh Q, chị H với Ngân hàng TMCP N1 trong vụ án này.

Do anh Q; đại diện theo uỷ quyền của anh Q về tài sản chung, nợ chung; đại diện theo uỷ quyền của chị H về tài sản chung, nợ chung đã thống nhất thoả thuận giao cho anh Q được sở hữu và sử dụng toàn bộ khối tài sản chung của anh Q, chị H. Ngân hàng TMCP N1 cũng có quan điểm nhất trí sự thoả thuận của anh Q, chị H về tài sản chung. Do vậy cần buộc anh Q có trách nhiệm tiếp tục thực hiện Hợp đồng cho vay trung dài hạn số 22/CN-DB/DHTL08 ký ngày 06/01/2022 và có

trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP N1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 21/5/2025 là 1.115.985.624đồng (trong đó nợ gốc là 1.061.300.000đồng; nợ lãi là 53.646.535đồng; phạt gốc quá hạn 441.432đồng; phạt lãi quá hạn 597.657đồng). Trong thời gian tiếp tục thực hiện hợp đồng, nếu anh Q không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP N1 có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6]. Về công sức đóng góp trong thời gian sống chung: Anh Q, chị H không đề nghị Toà án giải quyết. Do vây, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. Đối với tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản hết 10.200.000đồng. Nguyên đơn, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn về con chung, tài sản chung, nợ chung; đại diện theo uỷ quyền của bị đơn về tài sản chung, nợ chung thống nhất thoả thuận nguyên đơn, bị đơn mỗi người phải chịu 5.100.000đồng. Do nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng chi phí thẩm định và định giá tài sản nên bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 5.100.000đồng.

[8]. Về án phí: Anh Lê Văn Q và chị Dương Thị Thu H2 mỗi người phải chịu 75.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Lê Văn Q và chị Dương Thị Thu H2 thống nhất tự nguyện mỗi người chịu 24. 641.700đồng án phí chia tài sản chung.

[9]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ tại phiên toà là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a, điểm b, điểm đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Văn Q về phần nợ chung liên quan đến khoản vay của anh Lê Việt H1 số tiền 500.000.000đồng (Năm trăm triệu đồng), vay của anh Lê Văn Q2 số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần Q3 đề nghị anh Lê Văn Q và chị Dương Thị Thanh H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q3 số tiền tạm tính đến ngày 03/6/2025 là 141.610.564 đồng (Một trăm bốn mươi mốt triệu sáu trăm mười nghìn năm trăm sáu mươi tư đồng) trong đó nợ gốc là 125.134.505đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu một trăm ba mươi tư nghìn năm trăm linh năm đồng); nợ lãi trong hạn là 158.328đồng (Một trăm năm mươi tám nghìn ba trăm hai mươi tám đồng); nợ lãi quá hạn là 15.797.283đồng (Mười lăm triệu bảy trăm chín mươi bảy

nghìn hai trăm tám mươi ba đồng); Lãi phạt là 520.448đồng (Năm trăm hai mươi nghìn bốn trăm bốn mươi tám đồng) theo Hợp đồng cho vay số 844712.351.4977483.TD ngày 15/3/2019. Tài sản thế chấp là Ô tô tải pickup cabin kép, nhãn hiệu: MAZDA. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 035772 do Phòng C công an tỉnh P cấp ngày 13/03/2019. Số máy: P4AT2732621, số khung 4DD9KW927708, biển số : 19C- 146.66 đứng tên Lê Văn Q.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn Q và chị Dương Thị Thanh H.

2. Về con chung: Giao cho anh Lê Văn Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lê Hoàng L, sinh ngày 20/9/2009. Giao cho chị Dương Thị Thanh H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lê Tuấn V, sinh ngày 16/8/2007 cho đến khi các con chung thành niên, lao động tự túc được.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Văn Q và chị Dương Thị Thanh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung:

Ghi nhận sự thoả thuận của anh Q, đại diện theo uỷ quyền của anh Q về tài sản chung, nợ chung; đại diện theo uỷ quyền của chị H về tài sản chung, nợ chung như sau: Anh Lê Văn Q được quản lý, sử dụng và sở hữu khối tài sản chung gồm:

+ Diện tích đất 251,6m2 trong đó có 75,3m2 đất ở; 176,3m2 đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 219 tờ bản đồ số 29 đã được UBND huyện P cấp GCNQSDĐ số BT :750935 ngày 27/6/2014 đứng tên anh Lê Văn Q và chị Dương Thị Thanh H có địa chỉ thửa đất tại khu A, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Tài sản trên đất gồm có 01 nhà ba tầng xây trên diện tích đất 73,1m^2 xây năm 2006; 01 mái tôn trước nhà chính (tôn xốp) sườn sắt, bán vì kèo sắt diện tích 88m^2 xây dựng năm 2021; 01 sân trước nhà dưới mái tôn xốp lát gạch nung đỏ diện tích 88 m^2; 01 bức tường liền nhà chính xây gạch chỉ đỏ dày 220mm có trát + sơn 1 mặt dài 7,6m cao trung bình 4m (chưa móng) xây năm 2022; 03 bức tường nối với cổng chính từ sân xuống trong đó 02 bức tường dài 4,7m cao trung bình 0,9m (chưa móng), 01 bức tường dài 3,7m cao trung bình 1,8m (chưa móng) tường xây gạch chỉ đỏ dày 110mm trát + sơn 1 mặt xây năm 2022; 01 nền đổ bê tông sỏi từ sân xuống cổng, dày 10cm diện tích 21,1m^2 xây năm 2022; 01 Cổng có 02 trụ cổng xây bằng gạch chỉ đỏ kích thước 0,6x0,6x2,8 (chưa móng) ốp gạch Ceramic các mặt, mái che cổng bằng tôn sườn sắt bì kèo sắt diện tích 10m^2; 02 cánh cổng bằng sắt hộp sơn tĩnh điện hàn vuông kích thước 2,8x3,6m xây năm 2022; 01 đoạn tường rào giáp cổng dọc đường giao thông bằng gạch chỉ đỏ dày 220mm, dài 2m, cao trung bình 1,2m có trát + sơn một mặt, phía trên là hàng rào bằng sắt 14x14mm hàn vuông, diện tích 1,4m^2 xây năm 2022; 01 bờ tường bao xung quanh khu đất trồng

cây cảnh, xây gạch chỉ đỏ dày 110mm có trát + sơn một mặt dài tổng 6,8m cao trung bình 0,5m xây dựng năm 2022; 01 mái tôn sau nhà chính sườn sắt bán vì kèo sắt diện tích 15,1m^2 xây dựng năm 2022 (một phần mái tôn gác lên tường); 01 nền lách gạch Ceramíc dưới mái tôn phía sau nhà diện tích 12,1m^2 xây dựng năm 2022; 01 nền bê tông sỏi phía sau nhà dày 6cm, diện tích 21.9m^2 xây dựng năm 2022; 01 tường rào xây gạch chỉ đỏ dày 110mm dài khoảng 14m cao trung bình 1,7m nối từ nhà chính được xây dựng năm 2006. Tổng đất + nhà + công trình trên đất có trị giá 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng)

+ 01 xe ô tô bán tải BT 50 nhãn hiệu MAZDA mua trả góp 2019 biển kiểm soát 19C- 14666 đứng tên anh Lê Văn Q (hiện chị H đang sử dụng). Trị giá chiếc xe 448.560.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

+ 01 bộ bàn ghế; 01 kệ để ti vi; 02 điều hòa; 01 máy giặt; 01 tủ lạnh; 03 giường ngủ; 02 tủ đựng quần áo. Tổng trị giá là 37.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng).

Tổng giá trị tài sản là 2.485.560.000đồng (Hai tỷ bốn trăm tám mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

4. Về công nợ chung:

Anh Lê Văn Q có trách nhiệm tiếp tục thực hiện Hợp đồng cho vay trung dài hạn số 22/CN-DB/DHTL08 ký ngày 06/01/2022 và có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP N1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 21/5/2025 là 1.115.985.624 đồng (Một tỷ một trăm mười lăm triệu chín tăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm hai mươi tư đồng) trong đó nợ gốc là 1.061.300.000đồng (Một tỷ không trăm sáu mươi mốt triệu ba trăm nghìn đồng); nợ lãi là 53.646.535đồng (Năm mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi lăm đồng); phạt gốc quá hạn 441.432đồng (Bốn trăm bốn mươi mốt nghìn bốn trăm ba mươi hai đồng); phạt lãi quá hạn 597.657đồng (Năm trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi bảy đồng). Trong thời gian tiếp tục thực hiện hợp đồng, nếu anh Q không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP N1 có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

Sau khi đối trừ nghĩa vụ trả nợ, anh Q có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho chị H số tiền là 560.000.000đồng (Năm trăm sáu mươi triệu đồng). Thời hạn thanh toán sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xác nhận anh Q đã thanh toán cho đại diện theo uỷ quyền của bị đơn về tài sản chung, nợ chung số tiền 460.000.000đồng (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng) theo giấy biên nhận tiền ngày 26/6/2025 do bà Nguyễn Thị Thu L1 có lưu trong hồ sơ vụ án. Anh Q còn phải thanh toán cho chị H số tiền chênh lệch tài sản là 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng).

5. Ghi nhận sự thoả thuận của anh Lê Văn Q; đại diện theo uỷ quyền của anh Q về tài sản chung, nợ chung; chị Dương Thị Thanh H; đại diện theo uỷ quyền của chị H về tài sản chung, nợ chung; bà Nguyễn Thị T về việc bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm tháo dỡ một phần ngôi nhà cấp bốn của bà T diện tích 10,1m^2 xây chồng lấn lên thửa đất số 219 tờ bản đồ số 29 đã được UBND huyện P cấp

GCNQSDĐ số BT :750935 ngày 27/6/2014 đứng tên anh Lê Văn Q và chị Dương Thị Thanh H để trả lại diện tích đất cho anh Q, chị H quản lý và sử dụng vào ngày 26/8/2025. Anh Q, chị H tự nguyện hỗ trợ kinh phí tháo dỡ công trình xây dựng cho bà T với số tiền 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng). Kỷ phần mỗi người phải thanh toán cho bà T số tiền 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng). Thời gian thanh toán vào ngày 26/8/2025. Xác nhận anh Q đã thanh toán xong cho bà T số tiền 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) theo giấy biên nhận tiền ngày 26/6/2025 do bà T lập có lưu trong hồ sơ vụ án.

6. Về chí phí tố tụng: Anh Lê Văn Q, chị Dương Thị Thanh H mỗi người phải chịu 5.100.000đồng (Năm triệu một trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Anh Q đã nộp tạm ứng số tiền 10.200.000đồng (Mười triệu hai trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Buộc chị Dương Thị Thanh H có trách nhiệm trả cho anh Quân số tiền 5.100.000đồng (Năm triệu một trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Về án phí: Buộc anh Lê Văn Q và chị Dương Thị Thanh H mỗi người phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Xác nhận anh Q đã nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001237 ngày 07/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ. Trả lại cho anh Quân số tiền 225.000đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Buộc anh Lê Văn Q và chị Dương Thị Thanh H mỗi người phải chịu 24.641.700đồng (Hai mươi tư triệu sáu trăm bốn mươi mốt nghìn bảy trăm đồng) tiền án phí chia tài sản chung.

Xác nhận anh Q đã nộp số tiền 77.970.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001238 ngày 07/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ. Trả lại cho anh Quân số tiền 53.328.300đồng (Năm mươi ba triệu ba trăm hai mươi tám nghìn ba trăm đồng).

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q3 số tiền 3.198.000đồng (Ba triệu một trăm chín mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001398 ngày 05/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ do ông Trần Duy K nộp thay.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt được quyền kháng cáo; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ

ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Phù Ninh;
- UBND xã Phú Lộc;
- Lưu VP, HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Việt Hưng